

Số: /HD-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn
2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030**

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/NQ15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 257/2025/NQ15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

Bộ Nội vụ ban hành Hướng dẫn một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 như sau:

Phần thứ nhất**QUY ĐỊNH CHUNG****I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG****1. Phạm vi điều chỉnh**

Hướng dẫn này quy định việc tổ chức thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (sau đây gọi là Chương trình) thuộc trách nhiệm hướng dẫn của Bộ Nội vụ, cụ thể:

(1) Nội dung 04, thuộc nội dung thành phần 04; Hợp phần thứ nhất: “Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; lao động là người khuyết tật, phụ nữ và người lao động cao tuổi”.

(2) Nội dung 05, thuộc nội dung thành phần 04; Hợp phần thứ nhất: “Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thuê cơ sở đào tạo và lưu trú cho ứng viên tham gia khóa đào tạo tiếng Nhật để đi làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA)”.

(3) Nội dung 01, thuộc nội dung thành phần số 05; Hợp phần thứ nhất: “Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung, ưu tiên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; các đối tượng thuộc các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo”.

(4) Nội dung 04, thuộc nội dung thành phần 05; Hợp phần thứ nhất: “Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Thúc đẩy bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN ở địa phương. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; tổ chức

triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ”.

(5) Nội dung 04 thuộc nội dung thành phần 10; Hợp phần thứ nhất: Tổ chức triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” do Thủ tướng Chính phủ phát động.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các bộ, ngành, cơ quan trung ương có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các nội dung tại mục 1.

b) Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc tổ chức thực hiện các nội dung tại mục 1.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan tham gia thực hiện các nội dung tại mục 1.

d) Đối tượng thụ hưởng các chính sách của các nội dung tại mục 1.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Bảo đảm thực hiện đạt các mục tiêu của Chương trình theo hướng tích hợp, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; không trùng lặp, chồng chéo với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác; không trùng lặp, trùng chéo hoạt động giữa các bộ, các ngành để tiết kiệm nguồn lực và đánh giá thực chất hiệu quả các hoạt động.

3. Gắn việc thực hiện Chương trình với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch có liên quan; phù hợp điều kiện thực tiễn địa phương, vùng, miền, ưu tiên địa bàn đặc biệt khó khăn, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, nhóm có khó khăn đặc thù, phụ nữ, trẻ em, các nhóm có nguy cơ bị bỏ lại phía sau và các nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo quy định, phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ, phụ nữ di cư, phụ nữ bị bạo lực trên cơ sở giới...

4. Bảo đảm lồng ghép giới trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, phân bổ nguồn lực, theo dõi, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện các nội dung thuộc Chương trình.

5. Bảo đảm phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm của địa phương trong lựa chọn nội dung, đối tượng, địa bàn, phương thức thực hiện; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng cân đối nguồn lực.

Phần thứ hai

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI HỢP PHẦN THỨ NHẤT

NỘI DUNG THÀNH PHẦN 04

I. Nội dung 04: “Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; lao động là người khuyết tật, phụ nữ và người lao động cao tuổi”.

1. Hoạt động 1: Đầu tư nâng cao năng lực, hiện đại hoá cơ sở vật chất của tổ chức dịch vụ việc làm công

a) Đối tượng: Các tổ chức dịch vụ việc làm công trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Nội dung hỗ trợ: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất của tổ chức dịch vụ việc làm công phục vụ các hoạt động dịch vụ việc làm.

c) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (Vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương, vốn tín dụng chính sách và nguồn huy động hợp pháp khác.

d) Tổ chức thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

2. Hoạt động 2: Hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động

a) Đối tượng: Sở Nội vụ, các tổ chức dịch vụ việc làm công trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Nội dung 1: Hỗ trợ trang bị hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin thị trường lao động bao gồm: máy trạm, hệ thống đường truyền kết nối internet và các thiết bị khác;

- Nội dung 2: Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động;

- Nội dung 3: Quản lý, duy trì, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin thị trường lao động;

- Nội dung 4: Thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

c) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (Vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương, vốn tín dụng chính sách và nguồn huy động hợp pháp khác.

d) Tổ chức thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

3. Hoạt động 3: Hỗ trợ hoạt động giao dịch việc làm

a) Đối tượng: Cục Việc làm/Trung tâm quốc gia về dịch vụ việc làm, Sở Nội vụ các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Nội dung 1: Tổ chức các phiên giao dịch việc làm/hội chợ/ngày hội việc làm;

- Nội dung 2: Khảo sát, thu thập, thống kê thông tin thị trường lao động phục vụ tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm;

- Nội dung 3: Thông tin, tuyên truyền nhằm phổ biến thông tin thị trường lao động và thu hút người lao động, người sử dụng lao động tham gia các hoạt động giao dịch việc làm.

c) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (Vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương, vốn tín dụng chính sách và nguồn huy động hợp pháp khác.

d) Tổ chức thực hiện:

- Tại trung ương: Bộ Nội vụ chỉ đạo Cục Việc làm/Trung tâm quốc gia về dịch vụ việc làm tổ chức thực hiện các hoạt động giao dịch việc làm mang tính chất vùng, liên vùng, toàn quốc.

- Tại địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các hoạt động giao dịch việc làm thực hiện trên địa bàn.

4. Hoạt động 4: Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động

a) Đối tượng: Cục Việc làm/Trung tâm quốc gia về dịch vụ việc làm, Sở Nội vụ các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Nội dung 1: Tổ chức thu thập thông tin thị trường lao động, điều tra, khảo sát chuyên đề phục vụ phân tích, dự báo thị trường lao động theo tháng, quý, năm và đột xuất;

- Nội dung 2: Tổ chức Hội thảo phục vụ nghiên cứu, phân tích, dự báo; hội thảo công bố kết quả phân tích, dự báo thị trường lao động;

- Nội dung 3: Xây dựng báo cáo/ chuyên đề, xuất bản các ấn phẩm thông tin phân tích, dự báo thị trường lao động;

- Nội dung 4: Phổ biến các ấn phẩm phân tích, dự báo thị trường lao động;

- Nội dung 5: Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm triển khai công tác thu thập thông tin, phân tích, dự báo về chỉ tiêu phân tích, phương pháp dự báo thị trường lao động và ứng dụng cho các địa phương;

- Nội dung 6: Chuẩn hóa, nhập dữ liệu, vận hành, hiệu chỉnh dữ liệu về thị trường lao động phục vụ phân tích, dự báo thị trường lao động;

- Nội dung 7: Phát triển các công cụ, thuê chuyên gia xây dựng, tư vấn phục vụ phân tích, dự báo thông tin thị trường lao động.

c) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (Vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương, vốn tín dụng chính sách và nguồn huy động hợp pháp khác.

d) Tổ chức thực hiện:

- Tại trung ương: Bộ Nội vụ chỉ đạo Cục Việc làm/Trung tâm quốc gia về dịch vụ việc làm tổ chức thực hiện các hoạt động thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động ở cấp vùng, liên vùng và toàn quốc.

- Tại địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động trên địa bàn.

5. Hoạt động 5: Hỗ trợ người lao động tham gia thị trường lao động

a) Đối tượng:

- Lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.
- Lao động là người khuyết tật, phụ nữ và người lao động cao tuổi.
- Người lao động trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo. Ưu tiên người lao động thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Nội dung 1: Tổ chức khoá đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng làm việc, tìm việc.

- Nội dung 2: Xây dựng cảm nang, sổ tay hướng dẫn, sổ tay kỹ năng làm việc, tìm việc.

- Nội dung 3: Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền đi lại cho người lao động tham gia khoá đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn.

c) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (Vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương, vốn tín dụng chính sách và nguồn huy động hợp pháp khác.

d) Tổ chức thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

II. Nội dung 05: “Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thuê cơ sở đào tạo và lưu trú cho ứng viên tham gia khóa đào tạo tiếng Nhật để đi làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA).

1. Hoạt động 1: Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Đối tượng: Người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Nội dung 1: Người lao động trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ: (1) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của bên tiếp nhận lao động; (2) Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng; (3) Hỗ trợ tiền đi lại từ nơi cư trú đến địa điểm đào tạo; (4) Hỗ trợ các thủ tục xuất cảnh để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: chi phí làm hộ chiếu, thị thực, khám sức khỏe, lý lịch tư pháp.

- Nội dung 2: Người lao động và thân nhân của người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN: Hỗ trợ giới thiệu, tư vấn để tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Nội dung 3: Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và người trực tiếp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người lao động và thân nhân tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Nội dung 4: Truyền thông, tuyên truyền về lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tới các địa bàn, người lao động và thân nhân thuộc đối tượng của Chương trình.

c) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương.

d) Tổ chức thực hiện:

Thực hiện tại địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng cư trú trên địa bàn.

+ Đối với nội dung hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: cơ quan, đơn vị tại địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ người lao động thông qua cơ chế đấu thầu hoặc đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với các cơ sở đào tạo nghề, ngoại ngữ, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Trường hợp người lao động đăng ký đi làm việc ở nước ngoài thông qua doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đã hoàn thành khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề, giáo dục định hướng đủ điều kiện xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài, cơ quan, đơn vị tại địa phương được giao nhiệm vụ hỗ trợ người lao động thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho người lao động. Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp có trách nhiệm hỗ trợ người lao động cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ để nhận hỗ trợ.

Người lao động thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng chỉ được hưởng hỗ trợ theo một chính sách cao nhất.

2. Hoạt động 2: Thuê cơ sở đào tạo và lưu trú cho ứng viên tham gia khóa đào tạo Tiếng Nhật để đi làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA)

a) Đối tượng: người lao động/ứng viên tham gia khóa đào tạo Tiếng Nhật để đi làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA).

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí thuê cơ sở đào tạo và lưu trú cho người lao động trong thời gian tham gia khóa đào tạo Tiếng Nhật trước khi đi làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA).

c) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương.

d) Tổ chức thực hiện: Thực hiện tại Bộ Nội vụ, theo Thỏa thuận giữa hai Chính phủ và các quy định về đấu thầu, tài chính, kế toán hiện hành.

NỘI DUNG THÀNH PHẦN 05

I. Nội dung 01: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung, ưu tiên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; các đối tượng thuộc các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

1. Đối tượng và phạm vi

a) Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại xã (Ưu tiên đội ngũ làm công tác dân tộc; cán bộ, công chức, viên chức tại xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới, hải đảo).

b) Phạm vi: Áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức xã trên phạm vi toàn quốc.

2. Nội dung hoạt động

Ngoài việc thực hiện bồi dưỡng theo yêu cầu tại Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 20/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp giai đoạn 2026-2031, cán bộ, công chức, viên chức xã phải được tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo một số nội dung mới, chuyên sâu, cụ thể sau:

a) Về đào tạo: Thực hiện đào tạo sau đại học đối với các lĩnh vực mới, khó hoặc đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao như: công nghệ thông tin, quản lý đất đai, xây dựng, pháp luật...

b) Bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ

Tập trung vào các nội dung sau:

- Quản lý hành chính công hiện đại, cải cách hành chính, chính quyền điện tử, chuyển đổi số tại xã.

- Quản lý kinh tế - xã hội nông thôn: lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quản lý đất đai, đầu tư công, ngân sách xã; phát triển sản xuất, hợp tác xã, OCOOP, kinh tế xanh - tuần hoàn.

- Tư duy phát triển tích hợp, đổi mới sáng tạo, ứng phó biến đổi khí hậu, sinh kế bền vững.

- Giảm nghèo bền vững đa chiều:

- + Giảm nghèo theo tiếp cận đa chiều (thu nhập, tiếp cận dịch vụ cơ bản).

- + Xây dựng sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội gắn với đặc thù miền núi.

- Chính sách hỗ trợ người có công, bảo trợ xã hội, y tế, giáo dục ở vùng khó khăn.

- Kiến thức sâu về văn hóa, phong tục, tập quán, ngôn ngữ, tôn giáo của các dân tộc thiểu số.

c) Bồi dưỡng các kỹ năng bổ trợ

- Kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành gắn với yêu cầu thực tiễn của địa bàn và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (dành cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý).

- Kỹ năng huy động nguồn lực, phối hợp liên ngành, làm việc với cộng đồng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu số, kỹ năng phản ứng chính sách.

- Kỹ năng ứng phó thiên tai, bảo vệ môi trường, bình đẳng giới.

- Kỹ năng tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; kỹ năng hòa giải cơ sở, xử lý tình huống nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn; chuyển đổi số, sử dụng nền tảng dữ liệu số dùng chung phục vụ quản lý địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Kỹ năng ứng xử văn hóa, tránh sai sót nhạy cảm.

- Giao tiếp đa văn hóa, giải quyết khiếu nại tố cáo.

d) Trên cơ sở định hướng các nội dung bồi dưỡng nêu trên, các bộ, ngành, địa phương rà soát các bộ chương trình, tài liệu bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã đã ban hành trong thời qua gian hoặc mới ban hành còn phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay để chỉnh sửa, lồng ghép các nội dung bồi dưỡng nêu trên vào chương trình, tài liệu hiện có. Đối với các nội dung bồi dưỡng về kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp (ưu tiên đội ngũ làm công tác dân tộc, cán bộ, công chức, viên chức tại xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới, hải đảo) thì các bộ, ngành, địa phương biên soạn các bộ chương trình, tài liệu bồi dưỡng mới.

3. Thời gian bồi dưỡng và hình thức tổ chức

a) Thời gian bồi dưỡng

- Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: 05 ngày/khóa.

- Bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn (theo chuyên đề): 01- 03 ngày/khóa.

b) Hình thức tổ chức: áp dụng hình thức tổ chức linh hoạt (trực tiếp, trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến).

4. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương.

5. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Nội vụ

- Chủ trì, hướng dẫn và tổng hợp, báo cáo công tác triển khai nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương giao tại nội dung số 01 trong nội dung thành phần số 05 Quyết định số 417/QĐ-BNNMT để báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực biên soạn một số bộ chương trình, tài liệu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu có nội dung mới, khó phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức ở xã làm tài liệu mẫu, chuyển giao các địa phương để tổ chức bồi dưỡng hoặc chỉnh sửa, biên tập tài liệu phù hợp với đặc thù của mỗi địa phương.

- Số hóa nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu và đăng tải trên Hệ thống Học liệu số dùng chung dành cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ

- Phối hợp với Bộ Nội vụ biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu (mẫu) đối với ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chủ trì biên soạn và phê duyệt các bộ chương trình, tài liệu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý và theo định hướng nội dung tại điểm c mục 3 để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã.

- Số hóa nội dung bồi dưỡng đã biên soạn và đăng tải trên Hệ thống Học liệu số dùng chung dành cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã.

- Phối hợp với các địa phương tổ chức các khóa bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức xã bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Rà soát nhu cầu, xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã hàng năm và giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức xã được trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo (Ưu tiên đội ngũ làm công tác dân tộc; cán bộ, công chức, viên chức tại xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới, hải đảo).

- Chủ động biên soạn và phê duyệt các bộ chương trình, tài liệu bồi dưỡng kỹ năng hỗ trợ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức xã thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chỉ đạo các trường chính trị cấp tỉnh tổ chức các khóa bồi dưỡng hoặc phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Trung ương tổ chức các khóa bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức xã của địa phương bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

II. Nội dung 04: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Thúc đẩy bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN ở địa phương. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; tổ chức triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ.

1. Đối tượng, phạm vi:

a) Đối tượng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động trong phạm vi nội dung.

b) Phạm vi: Thực hiện trên phạm vi toàn quốc

2. Nội dung thực hiện

2.1 Hoạt động 01: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN

a) Nội dung thực hiện

- Nội dung 1: Xây dựng Tài liệu Hướng dẫn lồng ghép giới trong thực hiện chương trình.

- Nội dung 2: Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực lồng ghép giới cho cán bộ tham gia triển khai chương trình.

- Nội dung 3: Thu thập thông tin, dữ liệu đánh giá thực trạng lồng ghép giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, làm cơ sở cho việc ban hành chính sách thúc đẩy bình đẳng giới.

- Nội dung 4: Tổ chức giám sát việc thực hiện lồng ghép giới trong các hoạt động của Chương trình

b) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương, nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

c. Tổ chức thực hiện

- Tại trung ương: Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện.

- Tại địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện.

2.2 Hoạt động 02: Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng

a) Nội dung thực hiện

- Nội dung 1: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới cho người làm công tác tổ chức - cán bộ; công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi các cấp.

- Nội dung 2: Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, học tập trao đổi kinh nghiệm về giải pháp tăng cường sự tham gia có tiếng nói quyết định của phụ nữ trong các tổ chức chính quyền ở các cấp.

- Nội dung 3: Tăng cường phát hiện, giới thiệu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ nữ kế cận, đặc biệt là cán bộ nữ trẻ, cán bộ nữ người dân tộc thiểu số; hỗ trợ, đồng hành đối với cán bộ nữ mới được bổ nhiệm hoặc trúng cử lần đầu; rà soát, kiến nghị sửa đổi các quy định pháp luật, quy chế bổ nhiệm, quy hoạch còn có rào cản giới (nếu có).

b) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương, nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

c) Tổ chức thực hiện

- Tại trung ương: Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện.

- Tại địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện.

2.3 Hoạt động 03: Thúc đẩy bình đẳng giới trong xây dựng và phát triển kinh tế nhằm mục tiêu giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN

a) Nội dung thực hiện

- Nội dung 1: Khảo sát, đánh giá rào cản giới trong tiếp cận chính sách kinh tế nông thôn; nhu cầu của phụ nữ, nam giới trong thực hiện giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, nông thôn xanh, nông thôn thông minh; nhu cầu về lao động, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và tham gia thị trường lao động của phụ nữ, nam giới.

- Nội dung 2. Tập huấn nâng cao năng lực về bình đẳng giới trong quản trị và phát triển doanh nghiệp;

b) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương, nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

c) Tổ chức thực hiện

- Tại trung ương: Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện.

- Tại địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện.

2.4 Hoạt động 04: Thực hiện phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

a) Nội dung hoạt động

- Nội dung 1: Khảo sát, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở tạm lánh
- Nội dung 2: Xây dựng tài liệu hướng dẫn tổ chức, vận hành cơ sở tạm lánh.
- Nội dung 3: Tập huấn, nâng cao năng lực cho người làm công tác phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới, cộng tác viên và người dân tại cộng đồng.

b) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương, nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

c) Tổ chức thực hiện

- Tại trung ương: Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện.

- Tại địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện.

2.5 Hoạt động 05: Truyền thông về bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN

a) Nội dung thực hiện

- Nội dung 1: Thông tin, truyền thông về những thành tựu, kết quả nổi bật về thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

- Nội dung 2: Truyền thông nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm và năng lực của phụ nữ trong xóa đói giảm nghèo. Bảo đảm bình đẳng giới và nâng cao quyền năng cho phụ nữ, góp phần nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy, hành động của cán bộ, công chức và người dân trong quá trình triển khai thực hiện bình đẳng giới trong giảm nghèo, phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình MTQG.

- Nội dung 3: Truyền thông về vai trò, sự tham gia của phụ nữ trong quản lý cộng đồng, tham gia xây dựng và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; thúc đẩy bình đẳng giới trong ra quyết định ở cấp cơ sở. Thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong các hợp tác xã, tổ hợp tác và phát triển kinh tế nông thôn.

- Nội dung 4: Truyền thông tập trung vào việc thay đổi nhận thức, xóa bỏ các tập tục lạc hậu, định kiến giới trong cộng đồng; nâng cao quyền năng kinh tế và vai trò xã hội của phụ nữ dân tộc thiểu số; thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong lãnh đạo cộng đồng, phát triển kinh tế và quản lý xã hội. Đồng thời, tăng cường tiếp cận thông tin, dịch vụ xã hội cơ bản và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Nội dung 5: Truyền thông thúc đẩy thực hiện công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường vai trò của các cơ quan liên quan trong hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới ở cộng đồng.

- Nội dung 6: Truyền thông nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành lồng ghép giới trong tất cả các nội dung hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương (kinh phí thường xuyên), ngân sách địa phương, nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

c) Tổ chức thực hiện

- Tại trung ương: Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

- Tại địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

NỘI DUNG THÀNH PHẦN 10

Nội dung 04: Tổ chức triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” do Thủ tướng Chính phủ phát động.

Nội dung này Bộ Nội vụ sẽ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch riêng để phát động, triển khai trên phạm vi toàn quốc.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan trung ương triển khai thực hiện Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả và báo cáo theo quy định.

b) Phân công các đơn vị chủ trì nội dung như sau:

- Cục Việc làm: Chủ trì thực hiện nội dung 04 thuộc nội dung thành phần 04 của hợp phần thứ nhất;

- Cục Quản lý Lao động ngoài nước: Chủ trì thực hiện nội dung 05 thuộc nội dung thành phần 04 của hợp phần thứ nhất;

- Vụ Công chức – Viên chức: Chủ trì thực hiện nội dung 01 thuộc nội dung thành phần 05 của hợp phần thứ nhất;

- Vụ Công tác thanh niên và Bình đẳng giới: Chủ trì thực hiện nội dung 04 thuộc nội dung thành phần 05 của hợp phần thứ nhất;

- Ban Thi đua khen thưởng trung ương: Chủ trì thực hiện nội dung 04 thuộc nội dung thành phần 10 của hợp phần thứ nhất.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố (UBND cấp tỉnh)

a) Căn cứ hướng dẫn của Bộ Nội vụ và điều kiện thực tế tại đại phương, UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch, mục tiêu triển khai các nội dung theo Hướng dẫn nhằm thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

b) Chỉ đạo triển khai các hoạt động từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn ngân sách trung ương phân bổ về địa phương bảo đảm đúng nội dung, đối tượng, quy định hiện hành; không gây lãng phí, thất thoát tài sản, kinh phí của nhà nước, cá nhân, doanh nghiệp.

c) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định.

d) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện các nội dung về Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên hệ, phản ánh kịp thời về Bộ Nội vụ (qua Vụ Công tác thanh niên và Bình đẳng giới hoặc các đơn vị chủ trì Nội dung) để phối hợp giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Bộ Tài chính;
- Trung ương Hội LHPN Việt Nam;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Hà;
- UBND các tỉnh/thành phố (để thực hiện);
- Văn phòng điều phối CTMTQG (Bộ NNMT);
- Sở Nội vụ các tỉnh/thành phố (để thực hiện);
- Các vụ, đơn vị thuộc Bộ Nội vụ: Vụ KH-TC, Vụ CCVC, Cục VL, Cục QLLĐNN, Ban TĐKTTW, Văn phòng Bộ (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, CTTN&BDG.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Hà